

Số: /QĐ-SNN

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nội dung và dự toán chi tiết kinh phí
Chương trình khuyến nông, khuyến ngư năm 2025
của Trung tâm Khuyến nông

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024-2026;

Căn cứ Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục một số mô hình khuyến nông thuộc Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024-2026

Căn cứ Quyết định số 4718/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 và Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2024 trở đi;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-SNN ngày 28/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định về việc ban hành tài liệu hướng dẫn kỹ thuật áp dụng tại tỉnh Bình Định cho các mô hình khuyến nông từ năm 2024 trở đi;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-SNN ngày 26/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định về việc giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 1123/UBND-KT ngày 15/02/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nội dung, dự toán chi tiết kinh phí Chương trình Khuyến nông năm 2025;

Xét đề nghị của Trung tâm Khuyến nông tại Tờ trình số 31/TTr-KN ngày 06/02/2025 và theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tổng hợp Sở;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt nội dung và dự toán chi tiết kinh phí Chương trình khuyến nông, khuyến ngư năm 2025 của Trung tâm Khuyến nông như sau:

A. Kinh phí chương trình khuyến nông, khuyến ngư được giao sử dụng dự toán năm 2025:

- Kinh phí Ngân sách cấp: 5.800.000.000 đồng. Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định số tiền: 568.000.000 đồng và trừ tiết kiệm lần 2 để chi thực hiện nguồn cải cách tiền lương theo quy định số tiền 11.000.000 đồng.

- Kinh phí còn lại được sử dụng: 5.209.000.000 đồng.

B. Kinh phí phê duyệt kỳ này: 5.061.010.000 đồng

(Phụ lục Tổng hợp chi tiết kinh phí đính kèm)

I. Kinh phí đầu tư trực tiếp cho các mô hình, tổng kinh phí: 3.505.661.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực trồng trọt, gồm 10 mô hình, tổng kinh phí: 1.778.469.000 đồng, trong đó:

1.1. Mô hình thâm canh cây Ớt đạt tiêu chuẩn VietGAP

1.1.1. Mô hình thâm canh cây Ớt đạt tiêu chuẩn VietGAP (Vụ 1/2024 – Chuyển tiếp Đông Xuân 2024-2025, từ tháng 01 đến tháng 03/2025)

- Quy mô 02 ha/điểm; địa điểm tại xã Cát Minh, huyện Phù Cát

- Dự toán kinh phí: 46.137.000 đồng

(Phụ lục 1.1 dự toán kinh phí đính kèm)

1.1.2. Mô hình thâm canh cây Ớt đạt tiêu chuẩn VietGAP (Vụ 2: Từ tháng 10 đến tháng 12/2025)

- Quy mô 02 ha/điểm; địa điểm tại xã Cát Minh, huyện Phù Cát

- Dự toán kinh phí: 62.622.000 đồng

(Phụ lục 1.2 dự toán kinh phí đính kèm)

1.1.3. Mô hình thâm canh cây Ớt đạt tiêu chuẩn VietGAP (Vụ 1/2025, từ tháng 10 đến tháng 12/2025)

- Quy mô 02 ha/điểm; địa điểm tại xã đồng bằng huyện: Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn,...

- Dự toán kinh phí: 79.422.000 đồng

(Phụ lục 1.3 dự toán kinh phí đính kèm)

1.2. Mô hình sản xuất Lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm

1.2.1. Mô hình sản xuất Lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 2: Chuyển tiếp Đông Xuân 2024-2025, từ tháng 01 đến tháng 03/2025)

- Quy mô: 03ha/điểm; địa điểm tại xã: Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân và xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn.

- Dự toán kinh phí: 49.434.000 đồng

(Phụ lục 2.1 dự toán kinh phí đính kèm)

1.2.2. Mô hình sản xuất Lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 3)

- Quy mô: 03ha/điểm; địa điểm tại xã: Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân và xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn.

- Dự toán kinh phí: 233.372.000 đồng

(Phụ lục 2.2 dự toán kinh phí đính kèm)

1.2.3. Mô hình sản xuất Lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 1/2025)

- Quy mô: 03ha/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng huyện Hoài Ân, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, thị xã An Nhơn,...

- Dự toán kinh phí: 235.472.000 đồng

(Phụ lục 2.3 dự toán kinh phí đính kèm)

1.2.4. Mô hình sản xuất Lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 2/2025: Từ tháng 11 đến tháng 12/2025)

- Quy mô: 03ha/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng huyện Hoài Ân, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, thị xã An Nhơn,...

- Dự toán kinh phí: 99.938.000 đồng

(Phụ lục 2.4 dự toán kinh phí đính kèm)

1.3. Mô hình thâm canh cây Dừa (dừa chế biến, thời kỳ kinh doanh) theo hướng hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Chăm sóc năm 2)

- Quy mô: 1.000 cây/điểm; địa điểm tại phường Tam Quan Nam và phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn

- Dự toán kinh phí: 260.484.000 đồng

(Phụ lục 3 dự toán kinh phí đính kèm)

1.4. Mô hình thâm canh cây Xoài (giai đoạn kinh doanh) đạt tiêu chuẩn VietGAP (Chăm sóc năm 2)

- Quy mô: 02ha/điểm; địa điểm tại xã Cát Hanh, huyện Phù Cát

- Dự toán kinh phí: 183.560.000 đồng

(Phụ lục 4 dự toán kinh phí đính kèm)

1.5. Mô hình thâm canh cây Dừa xiêm (thời kỳ kinh doanh) đạt chuẩn hữu cơ (Chăm sóc năm 2)

- Quy mô: 1.000 cây/điểm; địa điểm tại phường Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn và xã Cát Lâm huyện Phù Cát

- Dự toán kinh phí: 365.484.000 đồng

(Phụ lục 5 dự toán kinh phí đính kèm)

1.6. Mô hình thâm canh cây bí đỏ theo hướng an toàn

- Quy mô: 500m²/điểm; địa điểm xã khó khăn, đặc biệt khó khăn: Xã An Toàn, huyện An Lão

- Dự toán kinh phí: 7.161.000 đồng (chuyên tiếp năm 2024)

(Phụ lục 6.1 dự toán kinh phí đính kèm)

- Dự toán kinh phí: 21.509.000 đồng (Năm 2025)

(Phụ lục 6.2 dự toán kinh phí đính kèm)

1.7. Mô hình thâm canh cây súp lơ vàng theo hướng an toàn

- Quy mô: 500m²/điểm; địa điểm xã khó khăn, đặc biệt khó khăn: Xã An Toàn, huyện An Lão

- Dự toán kinh phí: 20.097.000 đồng

(Phụ lục 7 dự toán kinh phí đính kèm)

1.8. Mô hình thâm canh lúa lai vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Quy mô: 01ha/điểm; địa điểm xã khó khăn, đặc biệt khó khăn huyện Vĩnh Thạnh: Xã Vĩnh Kim, xã Vĩnh Hòa,...

- Dự toán kinh phí: 52.783.000 đồng

(Phụ lục 8 dự toán kinh phí đính kèm)

1.9. Mô hình thâm canh cây đậu xanh trên đất chuyển đổi

- Quy mô: 01ha/điểm; địa điểm xã khó khăn, đặc biệt khó khăn huyện Vĩnh Thạnh: Xã Vĩnh Kim, xã Vĩnh Thuận,...

- Dự toán kinh phí: 47.617.000 đồng

(Phụ lục 9 dự toán kinh phí đính kèm)

1.10. Mô hình thâm canh cây cỏ (Chuyển tiếp năm 2024)

- Quy mô: 5.000m²/điểm; địa điểm xã khó khăn, đặc biệt khó khăn: Thôn O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh

- Dự toán kinh phí: 13.377.000 đồng

(Phụ lục 10 dự toán kinh phí đính kèm)

2. Cơ giới hóa: 01 mô hình, kinh phí: 408.639.000 đồng

- 2.1. Mô hình ứng dụng cơ giới hóa (khâu gieo sạ) trong thâm canh lúa cải tiến gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 2/2024: Chuyển tiếp Đông Xuân 2024-2025, từ tháng 01 đến tháng 03/2025)

- Quy mô: 05ha+01 giàn máy/điểm; địa điểm tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn (giàn máy đã được đầu tư năm 2024)

- Dự toán kinh phí: 32.277.000 đồng

(Phụ lục 11.1 dự toán kinh phí đính kèm)

- 2.2. Mô hình ứng dụng cơ giới hóa (khâu gieo sạ) trong thâm canh lúa cải tiến gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 1/2025)

- Quy mô: 05ha+01 giàn máy/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, ...

- Dự toán kinh phí: 258.594.000 đồng

(Phụ lục 11.2 dự toán kinh phí đính kèm)

2.3. Mô hình ứng dụng cơ giới hóa (khâu gieo sạ) trong thâm canh lúa cải tiến gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm (Vụ 2/2025: Từ tháng 11 đến tháng 12/2025)

- Quy mô: 05ha+01 giàn máy/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, ...

- Dự toán kinh phí: 117.768.000 đồng

(Phụ lục 11.3 dự toán kinh phí đính kèm)

3. Lĩnh vực chăn nuôi, gồm 03 mô hình, kinh phí: 392.240.000 đồng

3.1. Mô hình nuôi vỗ béo Bò thịt chất lượng cao bằng thức ăn tự trộn và phụ phế phẩm ủ chua

- Quy mô: 10 con bò/điểm; địa điểm tại xã đồng bằng huyện Phù Mỹ, Hoài Ân, ...

- Dự toán kinh phí: 48.478.000 đồng

(Phụ lục 12 dự toán kinh phí đính kèm)

3.2. Mô hình chăn nuôi Vịt biển thương phẩm gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Quy mô: 3.000 con/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng thành phố Quy Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát, ...

- Dự toán kinh phí: 272.766.000 đồng

(Phụ lục 13 dự toán kinh phí đính kèm)

3.3. Mô hình nuôi chim trĩ đỏ (chuyển tiếp năm 2024)

- Quy mô: 150 con mái, 50 con trống; địa điểm xã khó khăn, đặc biệt khó khăn: Xã An Toàn, huyện An Lão

- Dự toán kinh phí: 70.996.000 đồng

(Phụ lục 14 dự toán kinh phí đính kèm)

4. Lĩnh vực thủy sản, gồm 04 mô hình, kinh phí: 926.313.000 đồng

4.1. Mô hình ứng dụng đèn LED trên tàu khai thác cá

- Quy mô: 50 bộ đèn LED/tàu; địa điểm tại xã/phường ven biển thị xã Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Quy Nhơn,...

- Dự toán kinh phí: 132.865.000 đồng.

(Phụ lục 15 dự toán kinh phí đính kèm)

4.2. Mô hình nuôi thương phẩm cá Diêu hồng trong lồng-bè trên hồ chứa thủy lợi hoặc đập dâng gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Quy mô: 100 m³/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng huyện Vĩnh Thạnh, thị xã An Nhơn, Phù Cát, An Lão...

- Dự toán kinh phí: 365.715.000 đồng.

(Phụ lục 16 dự toán kinh phí đính kèm)

4.3. Mô hình nuôi thương phẩm tôm Thẻ chân trắng Bán thâm canh - Thâm canh hai giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc

- Quy mô: 1.000 m²/điểm; địa điểm tại xã/phường đồng bằng huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn, ...

- Dự toán kinh phí: 349.131.000 đồng.

(Phụ lục 17 dự toán kinh phí đính kèm)

4.4. Mô hình nuôi tổng hợp các loài thủy sản dưới tán cây ngập mặn kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

- Quy mô: 01ha/điểm; địa điểm tại xã đồng bằng huyện Tuy Phước, Phù Cát, ...

- Dự toán kinh phí: 78.602.000 đồng.

(Phụ lục 18 dự toán kinh phí đính kèm)

II. Thông tin tuyên truyền: 469.041.000 đồng

(Phụ lục 19 dự toán kinh phí đính kèm)

III. Bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: 938.900.000 đồng

(Phụ lục 20 dự toán kinh phí đính kèm)

IV. Quản lý phí cho cấp tỉnh 3%: 147.408.000 đồng

C. Kinh phí còn lại chưa phê duyệt: 147.990.000 đồng.

D. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

E. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí Chương trình Khuyến nông, khuyến ngư năm 2025 đã giao cho đơn vị tại Quyết định số 872/QĐ-SNN ngày 26/12/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Khuyến nông căn cứ nội dung, dự toán chi tiết được phê duyệt tại Quyết định này chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông, Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp Sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN Bình Định;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Thị Tố Trân;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng